

Số: 3187/GP-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 12 năm 2017

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T. SƠN LA	
ĐẾN	Số: 12599 (Trạm cấp nước Chiềng Pắc, xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu)
	Ngày: 21.12.17
	Chuyển: P. TNN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Kc: BGD
g.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT ngày 19/3/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 17/11/2017 tại Trạm cấp nước Chiềng Pắc của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1124/TTr-STNMT ngày 11/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần cấp nước Sơn La (địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) xả nước thải vào nguồn nước với những nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước của khu dân cư tại xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu.

2. Vị trí xả nước thải: Sau bể lắng bùn. Tọa độ VN 2000 (kính tuyến trục 104⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2367628, Y = 475768.

3. Phương thức xả thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn, 6-8 giờ/ngày.

5. Lưu lượng xả nước thải:

+ Trung bình: 5 m³/ngày đêm;

+ Lớn nhất: 6 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (*Giá trị $C_{max} = C$*), cụ thể trong bảng sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT cột B
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	–	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (III)	mg/l	1
12	Đồng	mg/l	2
13	Kẽm	mg/l	3
14	Mangan	mg/l	1
15	Sắt	mg/l	5
16	Tổng Xianua	mg/l	0,1
17	Tổng dầu mỡ	mg/l	10
18	Sunfua	mg/l	0,5
19	Amoni	mg/l	10
20	Tổng Nito	mg/l	40
21	Tổng Phốt pho	mg/l	6
22	Clorua	mg/l	1000
23	Clo dư	mg/l	2

24	Coliform	NPN/100ml	5000
----	----------	-----------	------

7. Thời hạn của giấy phép: 07 năm (*bảy năm*) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần cấp nước Sơn La:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này. Mọi nội dung thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các yêu cầu cụ thể sau đây:

a) Thực hiện quan trắc nước thải trước và sau khi xử lý. Nội dung quan trắc bao gồm: Vị trí, lưu lượng nước thải, thông số quan trắc chất lượng nước; tần suất quan trắc. Cụ thể:

+ Nước thải trước khi xử lý: 01 điểm trước khi vào bể lắng. Tần suất 6 tháng/lần, số thông số quan trắc (*24 thông số*) theo bảng thông số tại khoản 6 Điều 1 Giấy phép này, so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

+ Nước thải sau khi xử lý: 01 điểm tại vị trí sau bể lắng bùn; lưu lượng: Lắp đặt thiết bị kiểm soát lưu lượng nước thải sau khi xử lý, trước khi xả ra môi trường; Tần suất quan trắc 6 tháng/lần; thông số quan trắc theo QCVN 40:2011/BTNMT, bảo đảm giới hạn các thông số chất lượng nước thải sau xử lý (*24 thông số*) luôn đạt qui định tại khoản 6 Điều 1 Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Kết quả quan trắc phải đặc trưng cho chất lượng nước thải (*thời điểm lấy mẫu phải đúng thời điểm xả nước thải, phương pháp lấy mẫu và phân tích phải đúng theo tiêu chuẩn quy định và do đơn vị có chức năng đảm nhiệm*).


b) Thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép. Trường hợp có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu qui định thì phải ngừng ngay việc xả nước thải để khắc phục.

c) Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

d) Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên môi trường về các vấn đề có liên quan tới việc xả nước thải. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa, khắc phục sự cố trong quá trình xả nước thải. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới môi trường nguồn nước do hoạt động xả thải gây ra.

đ) Hằng năm (*trước ngày 15 tháng 12*), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) về tình hình sử dụng nước, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Giấy phép này.

Điều 3. Công ty cổ phần cấp nước Sơn La được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần cấp nước Sơn La còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. / 

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Các sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Công an tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Thuận Châu;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Hải